

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 732/2018/DS-ST
Ngày: 30/11/2018
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm Nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lý

2/ Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương- Thư ký Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thư- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 325/2018/TLST- DS ngày 13 tháng 8 năm 2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 546/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Trần Bình K- sinh năm 1979

Địa chỉ: khu phố A, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2/ Bị đơn: Bà Mai Thị Tuyết N- sinh năm 1972

Địa chỉ: khu phố B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2018 và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Ngày 07/02/2018, ông cho bà Mai Thị Tuyết N vay 100.000.000đồng. Việc vay tiền có làm giấy tờ, thời hạn vay 02 tháng, đến ngày 07/4/2018 bà N sẽ trả lại tiền cho ông. Các bên không thỏa thuận lãi vay. Quá hạn trả nợ nhưng bà N vẫn không trả tiền cho ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà N trả lại cho ông số tiền đã vay là 100.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi.

Ngoài ra, ngày 25/5/2017 bà N còn nhận của ông số tiền 225.000.000đồng để làm giấy tờ nhà đất. Do chỗ chị em quen biết nên không làm giấy tờ, chỉ thoả thuận bằng lời nói. Tuy nhiên, bà N hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không làm giấy tờ cho ông. Ông đã được Toà án thông báo về việc bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này nhưng ông không có chứng cứ gì để giao nộp cho Toà án. Nay ông rút lại yêu cầu đối với số tiền này.

Số tiền đưa cho bà N là tài sản riêng của cá nhân ông, không liên quan đến vợ ông là bà Bùi Thị X. Ông đưa tiền cho cá nhân bà N nên nay ông chỉ yêu cầu cá nhân bà N trả nợ.

Bà Bùi Thị X trình bày: số tiền cho bà N vay và số tiền làm dịch vụ mà ông K đưa cho bà N là tài sản riêng của ông K, không liên quan đến bà nên bà không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này.

Bà Mai Thị Tuyết N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền vay 100.000.000đồng và đình chỉ giải quyết đối với việc nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền làm dịch vụ giấy tờ nhà đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường H, quận T thì bà Mai Thị Tuyết N có nơi cư trú tại quận T nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc triệu tập đương sự tham gia tố tụng: Bà Bùi Thị X có ý kiến trình bày số tiền cho bà N vay và số tiền làm dịch vụ mà ông K đưa cho bà N là tài sản riêng của ông K, không liên quan đến bà nên bà không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó, không cần thiết triệu tập bà X tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Bà Mai Thị Tuyết N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N.

[4] Xét việc ông K rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tranh chấp hợp đồng dịch vụ làm giấy tờ nhà đất: Việc rút yêu cầu này của ông K là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết yêu cầu đối với phần tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn:

Bị đơn bà Mai Thị Tuyết N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào giấy vay tiền ngày 07/02/2018 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 07/02/2018 ông K đã cho bà N vay số tiền 100.000.000đồng, thời hạn vay 02 tháng, đến ngày 07/4/2018 và không thoả thuận về lãi vay. Xét hình thức và nội dung thoả thuận của các bên tại giấy vay tiền ngày 07/02/2018 là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Đến nay đã quá hạn thanh toán nhưng bà N không thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông K về việc yêu cầu bà N trả số tiền đã vay 100.000.000đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi ông K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của ông K được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 100.000.000đồng x 5% = 5.000.000đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho ông K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 217, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc bà Mai Thị Tuyết N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Bình K số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày ông Trần Bình K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Mai Thị Tuyết N vi phạm nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng bà Mai Thị Tuyết N còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Trần Bình K về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ làm giấy tờ nhà đất.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Thị Tuyết N phải nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Trần Bình K số tiền tạm ứng án phí 8.125.000 (tám triệu một trăm hai mươi lăm ngàn) đồng ông Trần Bình K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0022401 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

4/ Về quyền kháng cáo: ông Trần Bình K có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Mai Thị Tuyết N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Lệ Thủy

